



GIÀO DỤC QUỐC TẾ

TỜ LIỆU THAM KHẢO

VIỆN NGHIÊN CỨU GIÁO DỤC – NHÀ HỌC SỞ PHẠM THÀNH PHOÀ HOÀ CHÍ MINH
115 Hai Bà Trưng, Quận I - TP HCM, ĐT: 8355100 - Fax: 8393883, Email: ciecerc@hcm.vnn.vn

LỜI NÓI NỮA

Nếu giúp các nhà nghiên cứu và quản lý giáo dục, các nhà giáo, sinh viên nhà học sở phạm có thêm thông tin về tình hình phát triển giáo dục hiện nay ở các nước trên thế giới, bên cạnh "Bản tin giáo dục" (ra mỗi tháng 2 kỳ), bắt đầu từ tháng 1/2002, Viện Nghiên cứu Giáo dục tổ chức biên soạn thêm bản tin Tờ liệu tham khảo "Giáo dục quốc tế" bao gồm một số bài viết về các vấn đề quan trọng và có tính thời sự nâng cao ra cho giáo dục ở các nước, nước trình bày dưới dạng những bài tổng thuật, lược thuật hay dịch nguyên tác.

Trung tâm Nghiên cứu & Giao lưu Văn hoá Giáo dục Quốc tế thuộc Viện NCGD luôn sẵn sàng và nỗ lực giao thiệp hiện bản tin này. Chúng tôi mong nhận được sự cộng tác và ý kiến đóng góp của bạn đọc nếu không ngại nâng cao chất lượng của bản tin.

CÔNG NGHỆ TRONG GIÁO DỤC SỞ PHẠM

Với sự môi trường không ngừng các tiến bộ khoa học của công nghệ máy tính, các nhà giáo dục sở phạm đang phải nói chuyện với những vấn đề và những thách thức mới, trong đó có hai thách thức chính được nêu ra là:

❶ Hoàn thiện giáo viên sử dụng công nghệ một cách có hiệu quả cho các mục tiêu giáo dục, trong đó bao gồm các công nghệ có liên quan đến máy tính.

❷ Sử dụng công nghệ như một phương tiện để học hiện nay giáo dục sở phạm.

⇒ Thách thức thời nhất liên quan đến công nghệ như là một nội dung dạy học, còn thách thức thời hai lại liên quan đến công nghệ như là một công cụ hoặc một kênh chuyên giao tri thức trong nền giáo dục sở phạm.

Công nghệ xét như là một nội dung dạy học

Nhà trường, trong chương trình nội dung giảng dạy của mình, giáo dục sở phạm bao gồm luôn cả việc sử dụng có hiệu quả các công nghệ xét như là những nguồn lực và công cụ dụng cụ học tập. Ở

những thời điểm khác nhau, các công nghệ khác nhau nào đó giới thiệu vào nhân mình như : vật liệu bán dẫn, hình ảnh tĩnh, phim nền chiếu, bán kính đồng, phim, băng audio, các phong thí nghiệm ngôn ngữ radio, TV, máy tính, các kỹ thuật mà công nghệ vào việc thông. Tuy nhiên, các công nghệ của những công nghệ này đang ngày lên trên hành vi của giáo viên và việc học tập của học sinh vẫn là một điều chưa được xác định rõ ràng. Vì vậy, một vấn đề vẫn còn tồn tại trong nền giáo dục số phẩm là làm thế nào để tạo ra một cách có hiệu quả hơn những kinh nghiệm dạy học có liên quan đến sự hiểu biết về sử dụng công nghệ trong nhà trường và trong lớp học cho các học sinh nói chung là giáo viên tiến hành và giáo viên tài chính.

Những kinh nghiệm giảng dạy này phải được tổ chức nhờ thế nào để giáo viên có thể:

- a) Phát triển một nhân thức tổng quát về việc các công nghệ có thể được sử dụng như thế nào trong giáo dục cũng như học tập những kỹ năng thích hợp trong việc giải quyết những vấn đề có liên quan đến những công nghệ này
- b) Thu thập hiểu biết những ảnh hưởng và tác động của sử dụng các công nghệ trong một môi trường và bối cảnh giáo dục nào đó biết cung cấp những ảnh hưởng của chúng nói với việc học tập của học sinh. Kết hợp lại cùng nhau, hai phương diện này xác định công nghệ như là một nội dung dạy học của nền giáo dục số phẩm.

Tiểu điểm nội dung này bắt đầu ngay từ thập niên 20 (cuối TK.20) với sự xuất hiện trong nền giáo dục số phẩm những chương trình học được sử dụng hoặc các

phương tiện trôi chảy. Dần dần, những phương tiện này được thay thế bằng các phương tiện nghe-nhìn hoặc trở nên trở nên hơn cho việc dạy học.

Công nghệ máy tính và thế hệ mới nói chung dạy học:

Với sự xuất hiện của công nghệ máy tính, lãnh vực này đã nhận được một sự quan tâm đáng kể. Ngay từ năm 1970, một "giai trình máy tính cơ bản" đã được giới thiệu và đưa vào nội dung huấn luyện sơ khởi cho giáo viên. Khoảng năm thập niên 80, một nhóm những công nghệ khác nhau, bao gồm phần mềm, các nhà giáo, các nhóm sáng kiến chính phủ bắt đầu kêu gọi toàn thể giáo viên hãy xem xét vì tính và tham dự các khóa huấn luyện về việc sử dụng máy vi tính trong công tác dạy học của mình. Thay vì chế "thông thạo" và nói suông về máy vi tính, một thực tế rõ ràng hơn đã được nêu ra : "chúng ta cần phải nâng cao với nhu cầu phải huấn luyện, càng nhanh càng tốt, toàn thể giáo viên để họ có thể sử dụng được các công nghệ mới" (OECD, 1986). Ở khắp nơi trên thế giới, nhiều sáng kiến và đổi mới khác nhau đã xuất hiện, và bộ ảnh hưởng mạnh mẽ bởi các chuyên gia ở bên ngoài lãnh vực giáo dục, và những chuyên gia này thông ít có liên quan đến những nhà chuyên môn trong lãnh vực công nghệ giáo dục hoặc giáo dục số phẩm. Những đổi mới này thông bao gồm một nền giáo dục số phẩm trên qui mô lớn và có liên quan đến máy tính.

Việc thực hiện sử dụng máy tính trong trường học đã dẫn đến những thách thức cho nền giáo dục số phẩm về các phương diện tài chính, nội dung và nhân sự. Ngoài ra, những vấn đề có liên quan

nhận sự chuyển giao kiến thức về công nghệ và các thiết bị mà tạo ra các việc làm mới cho thị trường nội địa và công nghệ cũng như nước ngoài.

Những vấn đề về tài chính :

Một vấn đề quan trọng nước ngoài là cấu trúc tài chính mà trong nền giáo dục số phần về máy tính nước cung cấp. Về phương diện này, có hai vấn đề nổi ra: Ở đâu và làm thế nào mà công nghệ máy tính có thể sáp nhập vào "các giáo trình công nghệ" nâng cao mà trong nền giáo dục số phần? Câu trả lời khái quát nước ngoài ra là nội dung công nghệ máy tính không nên nước sáp nhập vào các giáo trình công nghệ mà coi như là một phần phát triển theo một hướng mới riêng, hoàn toàn tách biệt với các giáo trình truyền thống về công nghệ giáo dục và các giáo trình phương pháp luận trong các chương trình của nền giáo dục số phần.

Những chính sách trường hợp này xảy ra trong nền giáo dục tiên tiến ở Canada năm 1984 và trong phần lớn các giáo trình tài chính ngân hàng ở các nước Châu Âu. Các cuộc nghiên cứu ở Hoa Kỳ cũng không cho thấy có nhiều thay đổi, khác biệt so với mô hình tổng thể này, với những giáo trình về máy vi tính ứng dụng trong giáo dục nước giảng dạy nhờ là một bộ phận riêng biệt dành cho sinh viên số phần (tiên tiến) trong phần lớn các trường cao đẳng hoặc các phần khoa giáo dục. Trên bình diện quốc tế một cuộc khảo sát về vấn đề này do Hiệp hội quốc tế về đánh giá thành quả giáo dục (International Association for the Evaluation of Educational Achievement, vt : IEA) thực hiện ở 19 quốc gia này cho thấy rằng hình thức phối hợp nhất của

việc huấn luyện tài chính về vấn đề ứng dụng máy tính vào trong lĩnh vực giáo dục nội chính là một loại giáo trình nhập môn dành chuyển biệt cho máy tính, và tiếp theo sau đó là những kiểu loại khác nhau về giáo trình chuyển về máy tính.

Vấn đề nội dung :

Nội dung của những giáo trình này rất tổng quát và tài tranh luận từ khi lĩnh vực này biệt này của giáo dục số phần bắt đầu xuất hiện. Ở đâu thập niên 80, sự tranh luận xảy ra giữa một bên là những người coi vào cho việc chương trình học tập và các kỹ năng liên quan nên có thuật và một bên là những người cảm thấy rằng một phương pháp tiếp cận có tính chất tổng quát hơn thì sẽ thích hợp hơn (bao gồm những chủ đề về ứng dụng máy tính trong xã hội). Một phương diện khác của cuộc tranh luận về nội dung có liên quan đến vai trò của phần mềm ứng dụng trong nội dung của nền giáo dục số phần (Chẳng hạn như vấn đề tại các giáo viên có nên nước huấn luyện về việc sử dụng các phần mềm đó không?). Một vấn đề khác có liên quan đến sự ứng dụng công nghệ máy tính trong lĩnh vực chương trình. Tại các nước này nếu nước hi vọng giải quyết trong một thời gian ngắn và chúng này giới ra nhiều cuộc thảo luận về việc tìm kiếm sự quan bình thích hợp nhất trong lĩnh vực nội dung.

Mặc dù không nước nước số nước nông thôn, một cuộc khảo sát về các giáo trình tiên tiến về máy tính ở Hoa Kỳ trong năm 1991, cũng như một số nước khác, này cho thấy có một số điểm giống nhau (hoài tu) về phương diện nội dung.

Nội dung này được chọn lựa cho hơn hai phần ba các giáo trình về máy tính ở Hoa Kỳ bao gồm : ngôn ngữ lập trình Logo, phần mềm ứng dụng – xử lý văn bản, cơ sở dữ liệu, bảng công tác, nhập môn phần mềm giáo dục, các chủ đề liên quan đến phần cứng, nhà nổi máy tính, và tổng lại của việc sử dụng máy tính. Những nội dung này trung khớp với nội dung của bản nhiều tra, khảo sát của IEA thực hiện năm 1991 trong nội dung hai phần trước của chính là “ Ứng dụng máy tính” và “Phần tích và hệ thống lập trình” là những phần trước này được đưa vào chương trình huấn luyện giáo viên tại chỗ.

Tuy nhiên, tổng phần với danh sách các nội dung tập trung vào máy tính, tiếp tục vẫn còn nhiều yếu tố khác nhau về một nội dung thích hợp cho nên giáo dục số phần liên quan đến máy tính. Phần lập trình không được xem xét nữa và nội dung về các lĩnh vực về máy tính được mở rộng sang các vấn đề về “Những công nghệ thông tin và truyền thông mới”.

Những khuyến cáo về việc đưa công nghệ thông tin (IT) vào chương trình huấn luyện giáo viên trong giai đoạn này do Bộ Giáo Dục và Khoa học Quốc gia đưa ra vào năm 1992 như tóm tắt và nêu rõ sau:

“Khả năng về công nghệ thông tin của SV sẽ phải luôn luôn được bổ sung này nếu như có thể sử dụng hiệu quả công nghệ này trong lớp học, và nhiều này cũng tạo ra một nền tảng vững chắc cho sự phát triển của họ tiếp theo sau đó trong cùng lĩnh vực này. Khả năng này bao gồm ít nhất 4 vấn đề sau đây:

✦ Khả năng sử dụng của cá nhân một loạt các phần mềm và các thiết bị của công nghệ thông tin.

✦ Khả năng phân xét về sự thích thú của các phần mềm máy tính và của kỹ thuật công nghệ thông tin.

✦ Khả năng sử dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực giảng dạy của mình.

✦ Khả năng nắm giữ các thời cơ mà theo nội dung sử dụng công nghệ thông tin có thể làm thay đổi bản chất của việc dạy và học.

Vấn đề nhân sự:

Một vấn đề khác có tầm quan trọng đáng kể cho nên giáo dục số phần là vấn đề về các phần chất thích hợp dành riêng cho những người có nhiệm vụ truyền đạt kiến thức và kỹ năng về máy tính trong lĩnh vực giáo dục số phần. Vì vấn đề này còn quá mới, ít có người nào làm việc trong lĩnh vực này nên hoàn tất được một loạt các khóa huấn luyện chuyên nghiệp trong lĩnh vực ứng dụng máy tính trong giáo dục hay có được những kinh nghiệm thiết thực về việc ứng dụng máy tính trong hoạt động dạy học của mình. Trong bản báo cáo 1989 của Hội đồng các Bộ trưởng Giáo dục Châu Âu có nội dung rằng “không thể nắm giữ giải pháp cao về tầm quan trọng của việc quan sát thực tiễn trong việc sử dụng NICT (New information and communication technologies : công nghệ truyền thông và thông tin mới) ở những tình huống dạy học hiện nay, dù nói là một khóa huấn luyện sơ khởi hay tại chỗ.... Không nghi ngờ gì nữa việc này tạo ra số phần cũng bị ảnh hưởng bởi sự kiện rằng chính những nhà tạo ra và huấn

luyện tập bản thân hơi cường không có này
nhiều kinh nghiệm và kiến thức cần thiết”.

Những điều nói trên hàm ý rằng một phần lớn nền giáo dục số phẩm trong lĩnh vực liên quan nên máy tính này sẽ được nắm trạch bởi các nhóm chuyên gia ở bên ngoài lĩnh vực giáo dục số phẩm chính thống. Nếu trời nên phải biến việc một số các giáo viên với một ít kinh nghiệm sử dụng máy tính trong lớp học bằng cách “chuyên hệ” nên trời thành những nhà cung cấp các nghiệp vụ số phẩm chính qui. Phải biến hơn, một cuộc điều tra của IEA thực hiện năm 1991 đã cho thấy rằng các trường đã học và cao đẳng số phẩm không có vai trò chủ chốt trong nền giáo dục số phẩm tại chỗ có liên quan nên máy tính ở phần lớn các nước (16 trên tổng số 19 nước nước điều tra). Hình thức phải biến nhất là một số hình hợp các cơ quan khác nhau nên cung cấp dịch vụ giảng dạy tại chỗ này, bao gồm bộ giáo dục, các cơ quan giáo dục nhà phòng, hiệp hội các nhà giáo, các doanh nghiệp và kỹ nghệ (nhà chế tạo máy tính, phát triển phần mềm), các viện hỗ trợ giáo dục (các trung tâm thiết kế công trình quốc gia, các trung tâm tại nguyên nhà phòng), giáo viên, các nhóm phụ huynh, các trường đã học và cao đẳng số phẩm. Ai là các nhân tố đóng vai trò chính trong vấn đề này và làm thế nào nên nắm bắt nước chất lượng và tính liên tục trong hình thức nào đó có tính chất kết hợp này, nên là những vấn đề cần phải nước tiếp tục tranh luận.

Vấn đề chuyên gia:

Nhiều cuộc tranh luận tập trung vào phong cách chuyên gia tại chỗ với

những nhân xét, phê bình về mô hình thông nước sử dụng nhiều nhất : mô hình nào tạo nên hạn tại chỗ Tâm quan trọng của sử hỗ trợ và huấn luyện tại chỗ trong một hoàn cảnh nào biết cũng thông nước nêu ra. Tuy nhiên, cách tính toán và phí tổn của việc cung cấp những sử lựa chọn này không cho phép thực hiện nếu muốn.

Chuẩn bị cho sử giảng dạy và công nghệ:

Bên cạnh việc giảng dạy cho giáo viên về các công nghệ liên quan tới máy tính và việc làm thế nào nên coi thế áp dụng chúng vào việc dạy học, một yêu cầu khác với nền giáo dục số phẩm liên quan nên sử kiến có một lĩnh vực bổ sung mới xuất hiện trong nhà trường ở nhiều nước khác nhau như “xoa mũi cho máy tính”, “các nguyên tắc của công nghệ thông tin”, “tin học”, “khoa học máy tính”. Một mệnh lệnh tinh thần về việc dạy cho học sinh ngay nay về vai trò và chức năng của máy tính nên nước ra và nền giáo dục số phẩm nước kỳ vọng vào việc chuẩn bị cho giáo viên nên có thể nắm trạch bổ sung mới này.

Mặc dù nhiều vấn đề liên quan nên việc chuẩn bị cho giáo viên giảng dạy bổ sung mới này có cùng một bản chất như những vấn đề nước khác sai ở trên liên quan nên việc chuẩn bị cho giáo viên về việc ứng dụng công nghệ máy tính vào hoạt động dạy học, vấn đề con một vài phòng diện cần phải xét riêng. Một trong những phòng diện này là vấn đề có một sử thống nhất trong trường học và việc nên xem cái gì là nội dung hoặc là những mục tiêu có thể đo lường nước của các giáo trình

môi có tính chất bắt buộc này. Năm 1991, Hội đồng quốc gia công nhận giáo dục số phạm 01 Hoa Kỳ đã thông qua một loạt các tiêu chuẩn dành cho các hình chế giáo dục số phạm có nhiệm vụ nào tạo giáo viên chuyên trách về lãnh vực giáo dục máy tính. Những tiêu chuẩn này tiến một bước ra có liên quan đến việc nào tạo, chuẩn bị các giáo viên tin học, những không có một y thức nào về phòng pháp luật và công trình nào tạo giáo viên một mặt ra trên bình diện quốc tế

Vấn đề thứ hai liên quan đến việc xác định vai trò của giáo viên kiêm chuyên gia về máy tính ở trong nhà trường. Thông thường một giáo viên nhỏ thể không những chỉ đảm trách việc giảng dạy các giáo trình về máy tính mà còn một số công việc khác như phải nắm nhận một số trách nhiệm lớn hơn ở trong nhà trường. Những trách nhiệm này bao gồm : cung cấp các khoản huấn luyện tài chính, phổ biến thông tin, có vai trò cho ban giám hiệu về công nghệ thông tin và vai trò trình bày nói liên quan đến sự tích hợp công nghệ trong phạm vi toàn nhà trường, nhận giải các phần mềm, và phục vụ nhờ là một chuyên gia kỹ thuật của nhà trường. Chuẩn bị nào tạo giáo viên nhỏ thể nào nên có thể nắm nhận một loạt các trách nhiệm nhỏ này, nó là một thách thức đặt ra cho nền giáo dục số phạm.

Công nghệ với tổ chức là một công cụ và một kênh chuyên giao tri thức trong nhà trường số phạm

Vấn đề thứ hai trong cuộc thảo luận về chủ đề là "Công nghệ và nền giáo dục số phạm" liên quan đến những tiến bộ trong việc sử dụng công nghệ để nhỏ là một công cụ của nền giáo dục số phạm, một thời công cụ phục vụ cho các mục đích mà chính bản thân những mục đích này không có liên quan gì đến công nghệ. Vấn đề thứ hai này, một vấn đề có thể một số gọi là "Công nghệ để nhỏ là một công cụ và một kênh chuyên giao tri thức", nó có thể một số thảo luận đôi hai về mặt chủ yếu: Ảnh hưởng của công nghệ trong nền giáo dục số phạm có tính chất phi công nghệ và vấn đề sử dụng công nghệ để nhỏ là một lựa chọn trong nền giáo dục số phạm một số thực hiện tốt xa.

Sử dụng công nghệ trong các khoản giảng về giáo dục số phạm:

Ngoài các giáo trình mà mục tiêu là giúp cho sinh viên học một số cách ứng dụng công nghệ và quá trình dạy học, trong phạm vi nào các nhà giáo dục số phạm có thể sử dụng công nghệ cho mục đích chuyên giao giáo dục? Rất khó tìm thấy những dữ kiện tổng hợp về vấn đề này mà dù có một số báo cáo cung cấp một số dữ liệu về thông tin liên quan đến băng video hoặc video tổng tài. Hiện nhiên là việc sử dụng các phòng tiên truyền thông "nhỏ giao" nhỏ sách, máy chiếu, nhỏ chiếu (slides) thông có tính chất phổ biến hơn.

Về phòng diện các nguồn tài nguyên có liên quan tới máy tính, việc sử dụng các công cụ máy tính nên thực hiện các công việc nhỏ xử lý và bản, ảnh loạt văn phòng, tra cứu nhỏ việc nhỏ tài liệu này nhỏ trở thành những kỹ năng cần thiết thông dụng cần thiết cho các giáo sinh

của các trường sở phẩm. Các giáo sinh này cũng coi thể hoặc cách sử dụng phần mềm thông kế hoặc các phần mềm sách giáo khoa nhỏ là một công cụ khai cứu chuyên nghiệp. Tuy nhiên, mặt dù coi khai nhiều thí dụ về việc sử dụng các công cụ cài đặt nhỏ vậy, tổng quát mà nói, coi về nhỏ việc sử dụng công nghệ máy tính nào thực hiện ít thông xuyên hơn với tổ cách là một phòng tiên giảng dạy trong chính bản thân nền giáo dục sở phẩm.

Công nghệ dành cho giáo dục sở phẩm từ xa :

Coi một ngoài là cho tình huống nào nào mô tả ở trên, nội là sử phát triển nhanh chóng một phòng thời chuyên giáo giáo dục sở phẩm nào thực hiện từ xa. Phòng thời này tỏ ra thích hợp nhất cho nền giáo dục sở phẩm tại chỗ mà theo nội giáo viên coi thể thu nào nào nhiều lợi ích (cái về phòng diện thời tiên là sở phẩm) từ việc coi thể theo học bằng một hình thời uyển chuyên, linh nào thay vì phải đợi một khóa học coi tính chất có nội về mặt thời gian và không gian.

Coi nhiều thí dụ trên bình diện quốc tế về việc sử dụng các công cụ viễn thông để hỗ trợ cho giáo viên trong nền giáo dục sở phẩm từ xa. Những thí dụ này coi thể nào xếp vào một trong hai phẩm trứ lớn nhỏ sau : phẩm trứ thứ nhất liên quan tới việc chuyên giáo giáo trình từ xa và phẩm trứ thứ hai cho phép giáo viên tham dõi vào nhiều khía cạnh khác nhau của nền giáo dục chuyên nghiệp (thí dụ nhỏ các dõi an hoặc các hoạt nào nào biết, hoặc cung cấp các cô hội giáo dục sở phẩm "nội lực").

Trung tâm cho các cô hội giáo dục từ xa này là nhiều loại công nghệ khác nhau nhỏ : nội thoại, truyền hình cáp, radio và truyền hình, các phòng tiên thu hình và tiếng, video, audio, hội thảo nội từ các hình thời khác của truyền thông nội từ và công nghệ ghi tiếng.

Chuyên giáo khoa học từ xa :

Những thí dụ về các khoa học tại chỗ nào chuyên giáo từ xa một phần hoặc toàn phần thông qua kênh viễn thông coi thể nào tìm thấy ở nhiều nào nhỏ Canada (về một hệ thống tại tại về các phòng diện tại chỗ, công nghệ và sở phẩm), Hoa Kỳ, Malaysia và Tân Mạch. Thí dụ nhỏ hệ thống học tập ở Tân Mạch nào phát triển và chuyên giáo một số các khoa học tại chỗ thông qua các phòng tiên viễn thông tại tại các giáo viên Tân Mạch và Na Uy. Tại cái những giáo viên này coi thể coi một nội hoặc nội làm việc mà vẫn tham dõi nào nào và các khoa học.

Giáo dục sở phẩm chính qui:

Ngoài khuôn khổ các khoa học tại chỗ nào biết, nhiều cô hội giáo dục sở phẩm tại chỗ khác cũng đang xuất hiện thông qua các phòng tiên của kỹ thuật viễn thông. Trong phẩm trứ các dõi an nào biết, dõi an mang máy tính quốc tế PLUTO là một thí dụ nào chuyên. Dối an này nào sử dụng hai tầng cô sử viễn thông để liên kết, nội mang các nội chế giáo dục sở phẩm của Châu Âu. Bằng phòng pháp này, các nhà giáo dục sở phẩm, các giáo sinh cũng nhỏ các giáo viên năng nào nào lớp ở 10 quốc gia Châu Âu coi thể xác nào và thời hiện các hình thời môi của hoạt nào nào lớp học. Giáo dục từ xa là

một mô hình mới của nền giáo dục số phẩm.

Cũng có những thí dụ khác về việc làm thế nào để khai niệm về nền giáo dục số phẩm tại chỗ: một môi trường thông qua sự chuyển giao và tổ chức. Một cách cô bản hơn, người ta bắt đầu nói đến một mô hình giáo dục mới là mô hình “nhập ồng kịp lúc” (‘just-in-time-model) rất căn bản trên sự lựa chọn cái nhân của giáo viên để thay thế cho mô hình cũ mà theo đó các hình chế giáo dục số phẩm có quyền quyết định về các hình thức tiến hành và thời lượng của nền giáo dục tại chỗ. Ở khắp nơi trên thế giới, các mạng lưới thông tin rất đa dạng cho giáo viên tiếp cận với nhiều tài liệu dạy học, nói chuyện với các nhà giáo dục máy tính và các giáo viên khác về các vấn đề giáo dục cần biết (không nhất thiết phải liên quan tới công nghệ), những thời kỳ cũng có thể tiếp cận tới một số lượng lớn các thông tin về số phẩm. Thí dụ như ở Hoa Kỳ mạng lưới giáo dục người Mỹ bản xứ đã liên kết giáo viên trong các trường dành cho học sinh người Mỹ bản xứ và những thời kỳ cũng liên kết với nhiều nguồn dạy học có tính chất quốc tế khác, bao gồm luôn cả những nguồn chuyên trách về giáo dục số phẩm. Một trường hợp tiêu biểu khác là mạng lưới Campus 2000 hoạt động ở Anh quốc với mục tiêu để biết là cung cấp các dịch vụ cho các giáo viên thuộc ngành giáo dục cần biết cũng nhờ các giáo viên khác nói chung. Thông qua hệ thống trực tuyến, “Điện tử và ly” đã cung cấp nhiều loại hình khác nhau về giáo dục và sự hỗ trợ tại chỗ cho hơn 1000 giáo viên ở môn khoa học ở các trường trung học trên toàn Bắc Mỹ. Ở Hoa Lan, tổ chức PIT (dịch vụ viễn thông quốc gia) đã hợp tác

với Viện Chương trình Quốc gia để cung cấp cho giáo viên những dịch vụ truyền thông và thông tin trực tuyến có hình thức tương tự như vậy. Những thí dụ khác cũng có thể nêu ra (nhờ “Mạng dịch vụ Internet về giáo dục số phẩm”), tất cả đều cho thấy rằng sự khác biệt giữa nền giáo dục số phẩm theo truyền thống và sự phát triển cùng với sự hỗ trợ chuyển nghiệp năng động tiến hành ngày càng nhanh chóng là một mô hình.

Ứng dụng của công nghệ mới với nền giáo dục số phẩm

Sự xuất hiện của các công nghệ mới - các kỹ thuật và phương tiện và việc thông - năng tạo ra những thách thức và những cơ hội mới cho nền giáo dục số phẩm. Trong xã hội thông tin của TK.21 này, giáo viên không còn cần xem như là một nguồn lực và một nhà tổ chức quan trọng nhất cho quá trình học tập của học sinh, do đó rất khó cho các hình chế giáo dục số phẩm để có thể cung cấp một nền giáo dục thích hợp hoặc khó có thể cấu trúc lại nền giáo dục này trong các vấn đề liên quan đến công nghệ. Việc nhập ồng những thách thức này đòi hỏi phải có những nỗ lực cao nhất của tất cả mọi người có liên quan đến nền giáo dục số phẩm.

Nguồn : B.A. Collis : “Technology in Teacher Education” (trong “International Encyclopedia of Educational Technology”, tr. 534 -539) Trần Trung Phông dịch.

Giáo dục Nepal

Là một quốc gia Châu Á nhỏ bé nằm giữa hai nước láng giềng khổng lồ là Trung Quốc (vùng cao nguyên Tây Tạng) và Ấn Độ với diện tích 147, 181 dặm vuông, Nepal nước cái thế giới biệt lập nên không chịu vì những số kiện, biến cố chính trị xảy ra gần đây mà chủ yếu vì đây là một quốc gia có truyền thống văn hóa, lịch sử lâu đời và một nền văn minh có một không hai nằm tiếp giáp giữa một bên là vùng nông bằng Ấn Độ phi nhiều, nông bực và một bên là cao nguyên khoét, lãnh giá của Tây Tạng. Chính do vị trí đặc biệt này mà trong lịch sử Nepal đã từng đóng vai trò trung gian này khâu giữa hai nước lớn của Châu Á hoặc phải phải nông này với những mối đe dọa xâm lược từ bên ngoài. Nepal cũng nước biệt lập vì đây là quốc gia duy nhất trên thế giới nằm ở độ cao 100 m và kết thúc ở ngọn Everest cao nhất thế giới (8848m). Nepal cũng là nơi mà Nước Phật giáo sinh cách đây hơn 2500 năm.

Tất cả những đặc điểm về địa lý, văn hóa, lịch sử nói trên đều là những dấu ấn sâu đậm trong nền giáo dục của quốc gia Tây Á này. Trước hết về phương diện địa lý, cũng giống như nhiều nước khác ở Châu Á sẽ phát triển giáo dục giữa các vùng ở Nepal thông không đều và có một số chênh lệch rất cao. Trong khi mạng lưới giáo dục thông tập trung ở một số các thành phố đặc biệt là ở thủ phủ Kathmandu, thì ở các vùng lang mải xa xôi, tốc độ phát triển giáo dục ở đây hầu như không diễn ra rất chậm,

thậm chí là không trẻ đặc biệt ở những vùng núi non cách trời. Chính vì thế mà tại Nepal chiếm một con số rất cao, lên đến 60%.

Do tác động của văn hóa truyền thống, nên giáo dục Nepal chịu ảnh hưởng khá sâu sắc từ tôn giáo, đặc biệt là Ấn Độ giáo và Phật giáo. Chính thời kỳ này thì Nepal là một quốc gia theo Ấn Độ giáo với 86,5% trên tổng dân số trong khi tín đồ Phật giáo 7,8%, Hồi giáo 3,5% và đạo Thiên Chúa 0,2%. Những trong thời kỳ này nói rằng tôn giáo phổ biến nhất ở Nepal là một tôn giáo pha trộn không thể chia tách nước giữa các yếu tố của Ấn Độ giáo và các yếu tố của Phật giáo, đặc biệt là Phật giáo của Tây Tạng, một quốc gia có ảnh hưởng khá sâu sắc lên truyền thống văn hóa tâm linh của Nepal, bên cạnh Ấn Độ giáo. Trên phương diện lịch sử văn hóa và ngôn ngữ Nepal nước xem là nơi hội tụ giữa các dân tộc Mong Cổ của Châu Á (sử dụng ngôn ngữ Mien – Tạng) và các dân tộc Caucas của vùng bằng Ấn Độ (sử dụng ngôn ngữ Ấn – Âu). Hiện nay, trong các nhà trường của Nepal, tiếng Nepal nước sử dụng như một ngôn ngữ chính thức của quốc gia, là phương tiện giao tiếp chung của các công dân dân tộc khác nhau trên vùng lãnh thổ của Nepal. Bên cạnh tiếng Anh nước sử dụng nhiều trong giới kinh doanh và ngoài giao đặc biệt rất phổ biến trong lĩnh vực du lịch. Trong nhà trường, tiếng Anh cũng nước truyền bá khá rộng ở nhiều cấp học khác nhau.

Cũng giống như ở một số nước Châu Á chậm phát triển khác, ở Nepal nên giáo dục cũng đang lâm vào tình trạng thiếu hụt trầm trọng những giáo viên có năng lực phẩm chất số phẩm. Hiện nay, trong cái nước có khoảng 92.000 giáo viên tiểu học mà trong số đó chỉ có hơn phân nửa không nước nào đào tạo chính qui. Số lương trẻ em ghi danh học ở các tiểu học này khoảng 3,6 triệu em, và tỷ lệ giáo viên / học sinh là 1/88. Trong thời kỳ này còn rất nhiều trẻ em, nhất là trẻ em nghèo vẫn không nước nên trường vì một lý do đơn giản là gia đình các em không muốn mất đi một lao động giúp việc.

Ben cạnh khu vực giáo dục công lập, một hệ thống các trường tư cũng phát triển khá mạnh mẽ trong thập niên vừa qua, khi các nước tiến hành mở cửa ra với thế giới bên ngoài. Hầu hết các thành phố lớn đều có những trường tư thực nước gọi là “English Medium Boarding Schools” (Trường nội trú dạy học bằng tiếng Anh), nơi mà mức tiểu kinh doanh nước rất lên hàng đầu và phụ huynh phải trả từ 90 Rs đến 200 Rs/mỗi tháng nếu muốn con em của mình theo học những trường này.

Trong khi nội chất lương giáo dục ở các trường công lập ngày càng giảm sút một vài năm khác mà nên giáo dục Nepal cũng đang phải nói phải nói là giải quyết về mọi xung đột và hòa giải một bên là những giáo viên và hòa truyền thống và một bên là những giáo viên nên từ phòng Tây là những giáo viên có nước do Nepal ngày càng mở rộng với thế giới bên ngoài, nhất là bằng con nước du lịch. Nhiều lời cảnh báo nước nước ra: du lịch có thể giúp cho Nepal thu nước nhiều nước ngoài là hơn và làm cho nước này nên gần với thế giới hơn những nước thời nói cũng có thể tạo ra sự bằng hoà các giáo viên truyền thống mà nước này có nước qua hàng nghìn năm lịch sử. Một trong những hệ quả của cuộc “xung đột và hòa” nói trên là khoảng cách thế hệ (generation gap) trong lòng xã hội Nepal ngày càng trở nên sâu hơn và nước chính là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự bất ổn xã hội.

TS. Nguyễn Ngọc Thanh tổng thuật
tờ tài liệu nước ngoài

Tờ liệu Tham khảo Giáo dục Quốc tế mong nhận nước số công tác về bài viết thông tin và nhận xét góp ý của các bạn giáo viên và sinh viên trong trường.

Mọi thắc mắc xin liên lạc :

Trung tâm Nghiên cứu và Giáo dục

Văn hoá Giáo dục Quốc tế

Viện Nghiên cứu Giáo dục (Nhà Học Số Phạm TPHCM)

Nhà số : 280 An Đông Võng, Quận 5, TPHCM, Việt Nam

ĐT: 8355100 Fax : 8393883 E-mail : ciecer@hcm.vnn.vn

Website : www.ciecer.org

LÔU HANH NỘI BỒI